

Phụ lục I

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TUYỂN MỚI NĂM 2026 TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026						
			Tổng số	Chia ra				Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Trong đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
				Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Trong đó: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số...)		
	Toàn tỉnh	Người	29,500	4,000	6,500	19,000	7,000	71	27
1	Phường Cam Đường	Người	765	145	270	350	30	81	40
2	Phường Lào Cai	Người	765	145	270	350	30	81	39
3	Xã Cốc San	Người	340	45	95	200	90	72	41
4	Xã Hợp Thành	Người	340	45	95	200	90	71	24
5	Xã Mường Hum	Người	155	25	50	80	35	71	24
6	Xã Dền Sáng	Người	250	35	80	135	60	66	14
7	Xã Y Tý	Người	195	25	70	100	60	76	14
8	Xã A Mú Sung	Người	170	20	50	100	30	66	24
9	Xã Trịnh Tường	Người	245	35	80	130	60	66	21
10	Xã Bản Xèo	Người	225	30	60	135	60	66	21
11	Xã Bát Xát	Người	440	40	150	250	120	84	39
12	Xã Phong Hải	Người	235	35	70	130	60	72	31
13	Xã Xuân Quang	Người	305	45	110	150	60	76	32
14	Xã Bảo Thắng	Người	335	55	125	155	60	79	35
15	Xã Tàng Loỏng	Người	280	40	100	140	60	79	33

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026						
			Tổng số	Chia ra				Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Trong đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
				Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Trong đó: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số...)		
16	Xã Gia Phú	Người	315	45	110	160	60	77	34
17	Phường Sa Pa	Người	325	45	80	200	90	69	23
18	Xã Mường Bo	Người	95	15	20	60	30	50	30
19	Xã Bản Hồ	Người	155	20	30	105	30	61	19
20	Xã Tả Phìn	Người	165	20	40	105	30	66	22
21	Xã Tả Van	Người	285	35	70	180	90	66	21
22	Xã Ngũ Chỉ Sơn	Người	100	20	20	60	30	61	21
23	Xã Võ Lao	Người	215	25	50	140	60	66	16
24	Xã Khánh Yên	Người	200	25	45	130	60	76	19
25	Xã Văn Bàn	Người	255	35	60	160	60	76	20
26	Xã Dương Quỳ	Người	145	20	35	90	60	66	16
27	Xã Chiềng Ken	Người	155	20	35	100	60	61	13
28	Xã Minh Lương	Người	145	20	35	90	60	61	14
29	Xã Nậm Chày	Người	105	15	30	60	30	61	13
30	Xã Nậm Xé	Người	40	10	10	20	20	61	13
31	Xã Bảo Yên	Người	300	50	100	150	60	76	34
32	Xã Nghĩa Đô	Người	180	20	70	90	60	76	26
33	Xã Thượng Hà	Người	190	20	80	90	60	72	18

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026						
			Tổng số	Chia ra				Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Trong đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
				Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Trong đó: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số...)		
34	Xã Xuân Hoà	Người	145	15	50	80	30	71	21
35	Xã Phúc Khánh	Người	90	10	30	50	30	76	28
36	Xã Bảo Hà	Người	300	40	110	150	90	76	17
37	Xã Pha Long	Người	150	15	45	90	60	69	19
38	Xã Mường Khương	Người	330	40	90	200	90	79	26
39	Xã Bản Lầu	Người	220	30	70	120	60	76	29
40	Xã Cao Sơn	Người	150	15	45	90	30	66	16
41	Xã Cốc Lầu	Người	115	20	25	70	30	71	17
42	Xã Bảo Nhai	Người	230	30	60	140	60	71	21
43	Xã Bản Liền	Người	60	10	10	40	25	71	16
44	Xã Bắc Hà	Người	355	35	100	220	105	76	31
45	Xã Tả Củ Tỷ	Người	95	15	20	60	30	71	16
46	Xã Lũng Phình	Người	140	15	35	90	60	68	23
47	Xã Si Ma Cai	Người	465	65	130	270	105	66	17
48	Xã Sín Chéng	Người	315	35	80	200	90	66	16
49	Phường Âu Lâu	Người	490	100	90	300	30	79	41
50	Phường Nam Cường	Người	445	100	80	265	30	84	43
51	Phường Yên Bái	Người	935	220	115	600	30	84	51

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026						
			Tổng số	Chia ra				Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Trong đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
				Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Trong đó: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số...)		
52	Phường Văn Phú	Người	470	105	80	285	30	83	47
53	Phường Nghĩa Lộ	Người	535	70	95	370	30	74	34
54	Phường Trung Tâm	Người	545	70	115	360	30	78	40
55	Phường Cầu Thia	Người	625	70	110	445	30	76	33
56	Xã Chế Tạo	Người	70	10	10	50	25	57	19
57	Xã Nậm Có	Người	90	10	20	60	30	36	13
58	Xã Lao Chải	Người	95	10	20	65	30	38	13
59	Xã Khao Mang	Người	155	20	30	105	30	66	21
60	Xã Mù Cang Chải	Người	275	30	45	200	60	65	34
61	Xã Púng Luông	Người	285	25	60	200	60	66	18
62	Xã Tà Xi Láng	Người	50	5	5	40	25	51	31
63	Xã Trạm Tấu	Người	295	25	50	220	90	64	27
64	Xã Hạnh Phúc	Người	305	25	60	220	90	73	29
65	Xã Phình Hồ	Người	205	20	35	150	60	59	24
66	Xã Tú Lệ	Người	215	20	25	170	60	57	19
67	Xã Liên Sơn	Người	365	25	55	285	105	74	37
68	Xã Cát Thịnh	Người	160	30	15	115	60	66	24
69	Xã Gia Hội	Người	335	30	35	270	105	73	26

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026						
			Tổng số	Chia ra				Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Trong đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
				Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Trong đó: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số...)		
70	Xã Sơn Lương	Người	320	30	25	265	105	68	26
71	Xã Văn Chân	Người	440	50	55	335	180	66	29
72	Xã Thượng Bằng La	Người	290	40	40	210	90	72	29
73	Xã Chân Thịnh	Người	395	40	55	300	120	76	28
74	Xã Nghĩa Tâm	Người	355	50	50	255	105	77	27
75	Xã Phong Dụ Thượng	Người	115	15	15	85	30	71	21
76	Xã Phong Dụ Hạ	Người	145	15	20	110	60	72	21
77	Xã Châu Quế	Người	250	25	30	195	90	73	21
78	Xã Lâm Giang	Người	325	40	45	240	120	74	26
79	Xã Đông Công	Người	435	60	70	305	150	74	32
80	Xã Tân Hợp	Người	180	20	20	140	60	74	24
81	Xã Mậu A	Người	755	110	115	530	150	76	38
82	Xã Xuân Ái	Người	475	70	75	330	150	75	36
83	Xã Mỏ Vàng	Người	180	20	20	140	60	73	23
84	Xã Lâm Thượng	Người	285	40	75	170	105	72	26
85	Xã Lục Yên	Người	455	85	110	260	60	73	31
86	Xã Tân Lĩnh	Người	335	35	70	230	105	73	31
87	Xã Khánh Hoà	Người	365	30	85	250	120	73	32

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026						
			Tổng số	Chia ra				Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Trong đó, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
				Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng	Trong đó: Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn (lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số...)		
88	Xã Phúc Lợi	Người	290	20	50	220	120	76	36
89	Xã Mường Lai	Người	455	40	85	330	150	74	31
90	Xã Cẩm Nhân	Người	475	50	65	360	150	74	45
91	Xã Yên Thành	Người	470	55	55	360	150	75	46
92	Xã Thác Bà	Người	500	80	90	330	150	76	47
93	Xã Yên Bình	Người	410	55	90	265	90	78	51
94	Xã Bảo Ái	Người	415	50	65	300	120	75	46
95	Xã Trấn Yên	Người	750	100	150	500	60	79	41

